

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN PHÚ NHUẬN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1233/2024/DS-ST
Ngày: 27-9-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Phạm Bích Ngân

2. Ông Lê Phú Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thanh Hà - Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Nam Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 0741/2024/TLST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 307/2024/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 236/2024/QĐST-DS ngày 04/9/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Vũ Quang Đ, sinh năm 1963 (có mặt).

Bà Nguyễn Thị Đức D, sinh năm 1976 (có mặt).

Nơi cư trú: 6B Đường A, Khu phố 2, phường L, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 2001 (có mặt).

Nơi cư trú: 30 đường N, phường T, thành phố M, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bà Lê Thị Anh T, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Nơi cư trú: 102 đường V, phường B, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Bà Nguyễn Ánh T, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Nơi cư trú: 26/4D đường C, Phường Y, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 03/6/2024, đơn bổ sung đơn khởi kiện ngày 20/6/2024, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Vũ Quang Đ và bà Nguyễn Thị Đức D trình bày:

Ông Vũ Quang Đ và bà Nguyễn Thị Đức D cho ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Ánh T vay số tiền là 5.900.000.000 đồng, cụ thể:

Lần 1: Ngày 09/11/2021 cho vay 1.500.000.000 đồng. Ông P và bà T đã hoàn trả 1.300.000.000 đồng, còn nợ lại 200.000.000 đồng.

Lần 2: Ngày 10/03/2022 cho vay 2.500.000.000 đồng.

Lần 3: Ngày 08/4/2022 cho vay 2.000.000.000 đồng.

Lần 4: Ngày 26/5/2022 cho vay 1.200.000.000 đồng.

Ông Đ và bà D yêu cầu ông P và bà T trả lại toàn bộ số tiền đã vay nhưng ông P và bà T hứa hẹn nhiều lần vẫn không trả. Nhận thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm, ông Đ và bà D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Ánh T trả lại số tiền đã vay là 5.900.000.000 đồng.

Nguyên đơn khẳng định các chứng cứ đã được giao nộp, tiếp cận, công khai trong quá trình giải quyết vụ án. Ngoài những chứng cứ đã thu thập tại hồ sơ, không có chứng cứ nào khác cung cấp cho Tòa án.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Ánh T vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm Phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả số tiền 5.900.000.000 đồng và bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn ông Vũ Quang Đ và bà Nguyễn Thị Đức D tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn bà Nguyễn Ánh T và ông Nguyễn Văn P có cùng nơi cư trú tại 26/4D đường C, Phường Y, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Căn cứ vào các Giấy xác nhận mượn tiền các ngày 09/11/2021, 10/03/2022, 08/4/2022 và 26/5/2022 được lập và có chữ ký giữa ông Đ, bà D với ông P, bà T. Xét đây là tranh chấp phát sinh trong quan hệ hợp đồng vay tài sản giữa cá nhân với cá nhân thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Thời hiệu khởi kiện:

Các đương sự không yêu cầu xem xét về thời hiệu khởi kiện. Căn cứ vào khoản 2 Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử không giải quyết về thời hiệu khởi kiện.

[4] Về việc vắng mặt của bị đơn:

Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập; thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; giấy triệu tập tham gia phiên tòa; quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Ánh T vắng mặt. Mặc dù đã được Tòa án triệu tập đến để ghi nhận ý kiến, tiến hành thủ tục giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như việc tham gia phiên tòa xét xử giải quyết vụ án với nguyên đơn nhưng bị đơn ông P và bà T vẫn vắng mặt. Vì vậy, ông P và bà T đã vi phạm nghĩa vụ giao nộp chứng cứ, tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đồng thời, tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời trình bày cũng như chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để làm cơ sở xem xét giải quyết vụ án.

Căn cứ quy định tại các Điều 196, 207, 208, 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Ánh T

[5] Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán nợ gốc theo các Giấy xác nhận mượn tiền các ngày 09/11/2021, 10/03/2022, 08/4/2022 và 26/5/2022.

Căn cứ theo các Giấy xác nhận mượn tiền các ngày 09/11/2021, 10/03/2022, 08/4/2022 và 26/5/2022 có cơ sở xác định các bên có ký với nhau các giấy xác nhận mượn tiền trên. Việc thỏa thuận vay tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 nên có hiệu lực pháp luật. Thời hạn vay theo thỏa thuận của hai bên trong các giấy xác nhận mượn tiền đã hết, do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn hoàn trả tiền là đúng theo thỏa thuận của hợp đồng. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn buộc các bị đơn thanh toán nợ gốc theo các giấy mượn tiền như trên là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Ánh T có nghĩa vụ trả nợ cho ông Vũ Quang Đ, bà Nguyễn Thị Đức D số tiền 5.900.000.000 đồng nợ theo Giấy xác nhận mượn tiền sau:

- Giấy xác nhận mượn tiền ngày 09/11/2021 vay số tiền 1.500.000.000 đồng, thời hạn vay sáu tháng kể từ ngày 09/11/2021 đến ngày 09/5/2022. Ông P và bà T đã trả 1.300.000.000 đồng, còn nợ lại 200.000.000 đồng.

- Giấy xác nhận mượn tiền ngày 10/3/2022 vay 2.500.000.000 đồng, thời hạn vay sáu tháng kể từ ngày 10/3/2022 đến ngày 10/9/2022. Bà Nguyễn Thị Đức D chuyển khoản cho bà Nguyễn Ánh T theo Ủy nhiệm chi ngày 10/3/2022 số tiền 2.500.000.000 đồng tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín.

- Giấy xác nhận mượn tiền ngày 08/4/2022 vay 2.000.000.000 đồng, thời hạn vay hai tháng kể từ ngày 08/4/2022 đến ngày 08/6/2022. Bà Nguyễn Thị Đức D chuyển khoản cho bà Nguyễn Ánh T theo Ủy nhiệm chi ngày 08/4/2022 số tiền 2.000.000.000 đồng tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu.

- Giấy xác nhận mượn tiền ngày 26/5/2022 vay 1.200.000.000 đồng, thời hạn vay ba tháng kể từ ngày 26/5/2022 đến ngày 26/8/2022. Bà Nguyễn Thị Đức D chuyển khoản cho bà Nguyễn Ánh T theo Ủy nhiệm chi ngày 24/5/2022 số tiền 1.200.000.000 đồng tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu.

Căn cứ Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 về hợp đồng vay tài sản:

“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”.

Căn cứ Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 về nghĩa vụ trả nợ của bên vay:

“1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

2. Trường hợp bên vay không thể trả vật thì có thể trả bằng tiền theo trị giá của vật đã vay tại địa điểm và thời điểm trả nợ, nếu được bên cho vay đồng ý.

3. Địa điểm trả nợ là nơi cư trú hoặc nơi đặt trụ sở của bên cho vay, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

4. Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác.

5. Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau:

a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này;

b) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.”

Căn cứ nội dung các Giấy xác nhận mượn tiền các ngày 09/11/2021, 10/03/2022, 08/4/2022 và 26/5/2022, Hội đồng xét xử nhận thấy ông P, bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho ông Đ, bà D nên có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp, đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016;

- Ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Ánh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 113.900.000 đồng đối với nghĩa vụ phải thanh toán.

- Ông Vũ Quang Đ và bà Nguyễn Thị Đức D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Đ và bà D số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 56.950.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0029642 ngày 20 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

[8] Về quyền kháng cáo:

Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 264, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm P Tòa án nhân dân tối cao về việc áp dụng một số quy định pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn ông Vũ Quang Đ và bà Nguyễn Thị Đức D.

Buộc ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Ánh T phải thanh toán cho ông Vũ Quang Đ và bà Nguyễn Thị Đức D số tiền là 5.900.000.000 (năm tỷ chín trăm triệu đồng).

Thi hành một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí:

- Ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Ánh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 113.900.000 (một trăm mười ba triệu chín trăm nghìn đồng).

- Ông Vũ Quang Đ và bà Nguyễn Thị Đức D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Đ và bà D số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 56.950.000 (năm mươi sáu triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0029642 ngày 20 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP HCM;
- VKSND quận Phú Nhuận;
- CC THADS quận Phú Nhuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thu Quỳnh